# Phát thải khí nhà kính Việt Nam theo lĩnh vực

vn.moi-truong.khi-nha-kinh-kiem-ke-phat-thai.phat-thai-khi-nha-kinh-viet-nam-theo-linh-vuc

Số liệu kiểm kê quốc gia mới nhất tìm thấy trong báo cáo BUR3/NIR là cho năm 2016. Báo cáo gộp Nông nghiệp và LULUCF thành lĩnh vực AFOLU, nên không công bố hai giá trị riêng trong bảng tổng hợp này.

Version BUR3/NIR 2016, Bảng 2.15 · Cập nhật 2026-10-07 · Chính sách cập nhật monthly

## ĐIỂM NỔI BẬT

TỔNG PHÁT THẢI RÒNG

316734.96

nghìn tấn $CO_2$ tương đương

2016, toàn quốc

LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG

205832.2

nghìn tấn $CO_2$ tương đương

2016, toàn quốc

AFOLU

44069.74

nghìn tấn $CO_2$ tương đương

2016, số ròng gộp lĩnh vực

## DỮ LIỆU

| | |
|---|---|
| Năng lượng — 2010<br>Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 151879.06 |
| Các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm (IPPU) — 2010<br>Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 25844.05 |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất (AFOLU) — 2010<br>Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 68710.81 |
| Chất thải — 2010<br>Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 17776.74 |
| Tổng phát thải ròng — 2010<br>Chỉ tiêu: Tổng phát thải ròng khí nhà kính · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 264210.67 |
| Năng lượng — 2014<br>Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 175540.2 |
| Các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm (IPPU) — 2014<br>Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 38732.71 |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất (AFOLU) — 2014<br>Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam | 44997.92 |

Chất thải — 2014 19388.87
Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam

Tổng phát thải ròng — 2014 278659.7
Chỉ tiêu: Tổng phát thải ròng khí nhà kính · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam

Năng lượng — 2016 205832.2
Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam

Các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm (IPPU) — 2016 46094.64
Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam

Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất (AFOLU) — 2016 44069.74
Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam

Chất thải — 2016 20738.38
Chỉ tiêu: Phát thải ròng khí nhà kính theo lĩnh vực · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam

Tổng phát thải ròng — 2016 316734.96
Chỉ tiêu: Tổng phát thải ròng khí nhà kính · Địa bàn: Toàn quốc, Việt Nam

## NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: BUR3/NIR 2016, Bảng 2.15
Cập nhật: 2026-10-07
Giấy phép: Văn bản quy phạm pháp luật công báo & Dữ liệu mở quản lý tài nguyên môi trường

Cục Biến đổi khí hậu & Bộ Tài nguyên và Môi trường — Báo cáo cập nhật hai năm một lần lần thứ 3 (BUR3) của Việt Nam gửi UNFCCC
https://unfccc.int

UNFCCC — First Biennial Transparency Reports
https://unfccc.int/ru/node/633087

Tổng cục Thống kê — Thống kê môi trường Việt Nam
https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2024/01/Thong-ke-moi-truong_In_B6_compressed.pdf

UNFCCC; Chính phủ Việt Nam — Report on National GHG Inventory for 2016
https://unfccc.int/sites/default/files/resource/Viet%20Nam_NIR2016.pdf

Chính phủ Việt Nam / UNFCCC — Report on National GHG Inventory for 2016 (NIR 2016)
https://www4.unfccc.int/sites/SubmissionsStaging/NationalReports/Documents/703295816_Viet%20Nam-BUR3-1-Viet%20Nam_NIR2016.pdf

UNFCCC và Chính phủ Việt Nam — Third Biennial Updated Report to the UNFCCC; National Inventory Report for 2016
https://unfccc.int/documents/273503

Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường — Kiểm kê khí nhà kính
https://dcc.mae.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin-DCC.aspx?ItemID=1504